

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104123

Mã lớp học phần: 25211MH110412301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Dung	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,0	Đạt	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Đạt	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	
4	2410110001	Fa Ti	Háh	16/08/2001	C26KT	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Đạt	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	9,5	Chín, năm	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Đạt	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Đạt	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,0	Đạt	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,0	Đạt	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,5	Đạt, năm	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	7,0	Đạt	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,5	Sáu, năm	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/07/2005	C26KT	<i>[Signature]</i>	8,0	Đạt	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	6,0	Sau	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyền</i>	8,0	Đam	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	7,0	Bài	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	6,0	Sau	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 00. Số bài thi: 30 / 30.

Ngày: 16 tháng 10 năm 2020.

Ngày: 15 tháng 10 năm 2020.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trúc

Trần Văn Long

Trần Thị Kiều

Trần Văn Long

TRÚC
PH
VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104123

Mã lớp học phần: 25211MH110412301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,5	Đảm, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		7,0	Đảm	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		7,0	Đảm	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/08/2001	C26KT		8,0	Đảm	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		7,0	Đảm	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		9,0	Chín	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,0	Đảm	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,0	Đảm	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		6,5	Sáu, năm	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6,0	Sáu	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006	C26KT		5,0	Năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		5,0	Năm	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		7,0	Đảm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,5	Đảm, năm	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		6,0	Sáu	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		7,0	Đảm	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		8,0	Đảm	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		9,0	Chín	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		8,0	Đảm	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		7,0	Đảm	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		7,0	Đảm	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		9,5	Chín, năm	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		6,0	Sáu	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		6,0	Sáu	
26	2410110003	Lê Duy	Trình	24/07/2005	C26KT		6,5	Sáu, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Minh</i>	5,0	Năm	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyen</i>	7,0	Bảy	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	6,5	Sáu, năm	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 00 . Số bài thi: 30 / 30 .

Ngày: 16 tháng 3 năm 2016

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày: 15 tháng 3 năm 2016

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long
Trần Văn Long



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2025-2026

Môn học: Kế toán doanh nghiệp thương mại

Mã bài thi: AS0L9E

Thời gian thi: 01/04/2026 15:15:00

Thời gian kết thúc: 01/04/2026 16:15:00

Giám thị 1: Đ. Thái Huệ Ký tên: Đ. Thái Huệ

Giám thị 2: Nguyễn Văn Anh Ký tên: Nguyễn Văn Anh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
3	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<u>Đ. Thái Huệ</u>	6.8	Sáu, tám	C26KT	
4	2410110004	Bạch Văn Hai	22/02/1996	<u>Đ. Thái Huệ</u>	7.4	Bảy, bốn	C26KT	
5	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
6	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
9	2410010014	Vô Phi Long	25/05/2005	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.4	Bốn, bốn	C26KT	
10	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4	Bốn	C26KT	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	3.6	Ba, sáu	C26KT	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	12/02/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	3.4	Ba, bốn	C26KT	
13	2410110024	Đáy Minh Như	13/07/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.2	Bốn, hai	C26KT	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
17	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.4	Năm, bốn	C26KT	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.8	Bốn, tám	C26KT	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thùy Tiên	28/10/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4	Bốn	C26KT	
22	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.2	Bốn, hai	C26KT	
23	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<u>Đ. Thái Huệ</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
24	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	6.6	Sáu, sáu	C26KT	
25	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.6	Năm, sáu	C26KT	
26	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	3.6	Ba, sáu	C26KT	
28	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.8	Bốn, tám	C26KT	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	<u>Đ. Thái Huệ</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
30	2410110013	Vô Triều Vi	06/10/2004	<u>Đ. Thái Huệ</u>	4.6	Bốn, sáu	C26KT	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 24

Ngày ____ tháng ____ năm 2026

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 5 tháng 4 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI
Học kỳ 2 năm học 2025-2026
MÃ ĐỀ: AS019E

ST T	Mã số SV	Họ và Tên lót	Tên	Ngày sinh	Điểm số	Mã lớp	Mã câu hỏi bị lỗi đáp án KTDNTM-110	Chênh lệch	Tổng cộng điểm	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	4.6	C26KT	Sai	0.2	4.8	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	4.6	C26KT	Sai	0.2	4.8	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	7.4	C26KT	Sai	0.2	7.6	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/08/2001	6.8	C26KT	Sai	0.2	7.0	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	5.4	C26KT	Sai	0.2	5.6	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	4.6	C26KT	Sai	0.2	4.8	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	4.6	C26KT	Sai	0.2	4.8	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	5.4	C26KT	Sai	0.2	5.6	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	4.4	C26KT	Sai	0.2	4.6	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	4	C26KT	Sai	0.2	4.2	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006	3.6	C26KT	Sai	0.2	3.8	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	3.4	C26KT	Sai	0.2	3.6	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	3.8	C26KT	Sai	0.2	4.0	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	4.2	C26KT	Sai	0.2	4.4	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	5.4	C26KT	Sai	0.2	5.6	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	5.8	C26KT	Sai	0.2	6.0	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	5.4	C26KT	Sai	0.2	5.6	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	3.8	C26KT	Sai	0.2	4.0	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	5.8	C26KT	Sai	0.2	6.0	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	4.8	C26KT	Sai	0.2	5.0	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	4	C26KT	Sai	0.2	4.2	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	4.2	C26KT	Sai	0.2	4.4	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	6.6	C26KT	Sai	0.2	6.8	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	3.8	C26KT	Sai	0.2	4.0	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	5.6	C26KT	Sai	0.2	5.8	
26	2410110003	Lê Duy	Trình	24/07/2005	4.6	C26KT	Sai	0.2	4.8	
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	3.6	C26KT	Sai	0.2	3.8	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	4.8	C26KT	Sai	0.2	5.0	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	5.8	C26KT	Sai	0.2	6.0	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	4.6	C26KT	Sai	0.2	4.8	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2026

PHỤ TRÁCH KHOA



ThS. Trần Thị Hoa

GIẢNG VIÊN



Trần Văn Long